

Bản án số: 51/2024/HS-ST

Ngày: 29-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Phúc và ông Lưu Đình Bằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên; Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2024/TLST-HS ngày 31/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 đối với:

Bị cáo **Đào Đình Đ**, sinh năm 1999 tại tỉnh T; nơi cư trú: tổ 7, phường T, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Đình Th (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; vợ: Hoàng Thị Nh, sinh năm 2001; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2023; Tiền án: có 01 tiền án, bản án số 150/2023/HS-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 01 năm về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", đến nay bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù; Tiền sự: không; Nhân thân: ngày 18/4/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 01 năm 05 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"; tạm giữ, tạm giam: bị tạm giữ từ ngày 14/7/2024 đến ngày 20/7/2024 chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Hưng Yên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Người chứng kiến:*** Ông Phạm Đức Th1, sinh năm 1954; "vắng mặt"

Nơi cư trú: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 13 giờ 45 phút ngày 14/7/2024 tại khu vực chợ P thuộc địa phận thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên; Công an thị trấn T, huyện P phát hiện Đào Đình Đ, sinh năm 1999 trú tại tổ 7, phường T, thành phố T, tỉnh T có biểu hiện nghi vấn. Quá trình kiểm tra, bị cáo Đào Đình Đ tự nguyện giao nộp 01 túi nilon kích thước

(3,5x5,5)cm bên trong túi nilon có chứa chất dạng bột và cục màu vàng đồng, 01 túi nilon kích thước (2x2,2)cm bên trong có chứa chất dạng tinh thể màu trắng và 01 viên nén màu xám đen không rõ hình dạng mà bị cáo Đ cất giấu trong lòng bàn tay trái. Bị cáo Đ khai nhận túi nilon trên chứa chất ma túy, bị cáo cất giấu để sử dụng. Công an thị trấn T đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng ký hiệu M1. Sau đó, Công an thị trấn T đã chuyển toàn bộ hồ sơ, giao người bị bắt quả tang cùng vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P theo quy định.

Tại Kết luận giám định số 512/KL-KTHS ngày 17/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận:

- Mẫu chất màu vàng đồng dạng cục và bột, được ký hiệu M1-1 trong niêm phong ghi ký hiệu M1 có khối lượng 1,042 gam là ma túy; loại: MDMA, Methamphetamine, Ketamine.

- Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng, được ký hiệu M1-2 trong niêm phong ghi ký hiệu M1, có khối lượng 0,805 gam là ma túy, loại Ketamine

- Mẫu chất dạng viên nén màu xám đen, được ký hiệu M1-3 trong niêm phong ghi ký hiệu M1, có khối lượng 0,545 gam là ma túy, loại MDMA.

Hoàn lại mẫu giám định trong phong bì niêm phong ghi số: 512/KL-KTHS (MT), ghi ký hiệu H1 chứa 0,941 gam ma túy, loại MDMA, Methamphetamine, Ketamine được ký hiệu M1-1 trong niêm phong ghi ký hiệu M1 và niêm phong trong một niêm phong ghi số: 512/KL-KTHS (MT), ghi ký hiệu H2 chứa 0,762 gam ma túy, loại Ketamine được ký hiệu M1-2 trong niêm phong ghi ký hiệu M1 và 0,521 gam ma túy, loại MDMA được ký hiệu M1-3 trong niêm phong ghi ký hiệu M1; 02 vỏ túi nilon đựng ma túy và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định.

Ngày 25/7/2024, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện P quyết định trưng cầu giám định bổ sung hàm lượng các chất ma túy gồm MDMA, Methamphetamine, Ketamine trong phong bì ghi ký hiệu H1 có chứa 0,941 gam ma túy.

Tại Kết luận giám định số 5705/KL-KTHS ngày 02/8/2024 của Viện khoa học hình sự-Bộ Công an kết luận: Hàm lượng các chất MDMA, Methamphetamine và Ketamine trong mẫu chất bột, ký hiệu H1 gửi giám định lần lượt có tỉ lệ 30,9%; 1,8% và 2,8%. Hoàn lại đối tượng giám định gồm 0,900 gam mẫu chất bột còn lại và vỏ bao gói trong niêm phong số 5707/C09(TT2). Công văn số 3217/C09-TT2 ngày 25/10/2024 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an xác định: Khối lượng các chất ma túy MDMA, Methamphetamine và Ketamine trong 1,042 gam mẫu lần lượt là 0,321 gam; 0,018 gam và 0,029 gam.

Quá trình điều tra xác định: Do vợ của bị cáo Đ là chị Hoàng Thị Nh, sinh năm 2001, trú tại tổ 7 phường T, thành phố T, tỉnh T đang làm nhân viên quán bia, quán hát trên địa bàn huyện P, tỉnh Hưng Yên nên bị cáo Đ đã đi đến khu vực huyện P để tìm vợ. Trong thời gian này, bị cáo Đ thường xuyên đi lang thang ở các quán internet, nhà nghỉ xung quanh khu vực thị trấn T và quen được một người bạn tên là C do chị Nh giới thiệu. Trưa ngày 14/7/2024, bị cáo Đ gặp người tên C điều khiển xe mô tô (không rõ kiểu dáng và biển kiểm soát) ở trên đường thì C rủ Đ đi chơi. C đưa cho Đ

01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất màu vàng đồng, 01 túi nilon nhỏ bên trong chứa tinh thể màu trắng và 01 viên nén màu xám không rõ hình dạng. C nói với bị cáo Đ các chất đó là ma túy và bảo Đ cầm để lát nữa sẽ cùng nhau sử dụng. Bị cáo Đ đồng ý cầm túi nilon chứa ma túy trong lòng bàn tay trái rồi lên xe cùng C đi chơi. Khi cả hai đến khu vực chợ Pthuộc thôn C, thị trấn T thì C dừng xe bảo bị cáo Đ đứng đợi để C đi có việc. Trong lúc Đ đứng đợi C thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang và thu giữ các vật chứng như đã nêu ở trên.

Đối với đối tượng bị cáo Đ khai tên C, bị cáo Đ không biết cụ thể nhân thân, lai lịch của C nên Cơ quan điều tra chưa xác minh được về nhân thân, lai lịch của đối tượng tên C và chưa có căn cứ để xử lý.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Đào Đình Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKSPC ngày 31/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Đào Đình Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đào Đình Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Đề nghị áp dụng: Điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản các điểm a và c khoản 2 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Đào Đình Đ.

Xử phạt bị cáo Đào Đình Đ từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù của bản án số 150/2023/HS-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 14/7/2024.

Về biện pháp tư pháp: Tịch thu cho tiêu hủy mẫu vật hoàn lại sau giám định trong niêm phong ghi số 512/KL-KTHS (MT), ghi ký hiệu H2 chứa 0,762 gam ma túy loại Ketamine được ký hiệu M1-2, trong niêm phong ghi ký hiệu M1 và 0,521g ma túy, loại MDMA được ký hiệu M1-3 trong niêm phong ghi ký hiệu M1; 02 vỏ túi nilon đựng ma túy và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định. 01 phong bì niêm phong ghi số 5707/C09(TT2), bên trong chứa 0,900 gam mẫu chất bột còn lại và vỏ bao gói.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án hình hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đào Đình Đ nhất trí với quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Đến nay, tôi nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử xem xét cho tôi hưởng mức án thấp nhất để tôi sớm trở về với gia đình nuôi hai con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp các vật chứng thu giữ và các Kết luận giám định. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 13 giờ 45 phút ngày 14/7/2024 tại khu vực chợ P thuộc địa phận thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên; bị cáo Đào Đình Đ có hành vi cất giấu 0,884 gam ma túy, loại MDMA và Methamphetamine; 0,834 gam ma túy, loại Ketamine; bị cáo khai nhận việc tàng trữ ma túy là nhằm mục đích để bản thân sử dụng. Bị cáo Đ có hành vi tàng trữ nhiều loại ma túy khác nhau, trong đó có 0,884 gam ma túy loại MDMA và Methamphetamine, thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và 0,834 gam Ketamine có khối lượng dưới mức tối thiểu quy định tại g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo tàng trữ nhiều loại chất ma túy và đều dưới mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, trong đó có ít nhất một nhóm chất ma túy có khối lượng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 thì tổng tỉ lệ phần trăm về khối lượng của các chất ma túy so với mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, cụ thể như sau: $(0,884\text{gam}/5\text{gam} + 0,834\text{gam}/20\text{gam}) \times 100\% = 21,85\%$. Tổng tỉ lệ phần trăm về khối lượng các chất ma túy bị cáo Đ tàng trữ dưới 100%; do đó hành vi của bị cáo Đ đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, góp phần gia tăng tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Đặc biệt gần đây, các loại ma túy tổng hợp được một bộ phận giới trẻ sử dụng, gây tác hại, hậu quả nguy hiểm đến tính mạng và sức khỏe của con người. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã từng bị xử phạt và chấp hành hình phạt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma

túy ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc, kinh tế, gia đình và xã hội nhưng bị cáo vẫn cố tình vi phạm. Do đó, cần phải xét xử và áp dụng một hình phạt nghiêm khắc để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 30/8/2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 01 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo chưa đi chấp hành hình phạt của bản án theo quy định pháp luật. Đến ngày 14/7/2024, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội; do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án, bản án số 150/2023/HS-ST ngày 30/8/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 01 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Ngoài ra, ngày 18/4/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xử phạt 01 năm 05 tháng về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Hội đồng xét xử sau khi xem xét đầy đủ các căn cứ quyết định hình phạt; xét thấy, bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo đã bị kết án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, khi bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo không đi chấp hành theo quy định cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật, đến nay bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng. Vì vậy, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên là phù hợp nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội và là người biết tuân thủ pháp luật.

Tại Bản án số 150/2023/HS-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T, bị cáo Đ bị xử phạt 01 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; bản án đã có hiệu lực pháp luật tuy nhiên đến nay bị cáo chưa chấp hành hình phạt của bản án; vì vậy, cần tổng hợp hình phạt 01 năm tù chưa chấp hành của bản án số 150/2023/HS-ST ngày 30/8/2023, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy, thu nhập không ổn định và không tài sản riêng, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng: Mẫu vật hoàn lại sau giám định trong niêm phong ghi số 512/KL-KTHS (MT), ghi ký hiệu H2 chứa 0,762 gam ma túy loại Ketamine được ký hiệu M1-2, trong niêm phong ghi ký hiệu M1 và 0,521g ma túy, loại MDMA được ký hiệu M1-3 trong niêm phong ghi ký hiệu M1. 01 phong bì niêm phong ghi

số 5707/C09(TT2), bên trong chứa 0,900 gam mẫu chất bột còn lại và vỏ bao gói là các chất mà nhà nước cấm tàng trữ nên sẽ bị tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 02 vỏ túi nilon đựng ma túy và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định là những vật không còn giá trị sử dụng nên sẽ bị tịch thu cho tiêu hủy.

[6] Đối với đối tượng tên C, bị cáo khai là người đưa ma túy cho bị cáo nhưng chưa xác minh được đối tượng nên chưa có căn cứ xử lý; vợ bị cáo là chị Hoàng Thị Nh, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm, tiếp tục xác minh, để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a và c khoản 2 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Đào Đình Đ.

Tuyên bố: Bị cáo Đào Đình Đ phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt: Bị cáo Đào Đình Đ 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù chưa chấp hành về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" của bản án số 150/2023/HS-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2024.

Về các biện pháp tư pháp: Tịch thu cho tiêu hủy mẫu vật hoàn lại niêm phong trong một niêm phong ghi số: 512/KL-KTHS (MT), ghi ký hiệu H2 chứa 0,762 gam ma túy, loại Ketamine được ký hiệu M1-2, trong niêm phong ghi ký hiệu M1 và 0,521g ma túy, loại MDMA được ký hiệu M1-3, trong niêm phong ghi ký hiệu M1; 02 vỏ túi nilon đựng ma túy và 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi giám định. 01 phong bì niêm phong ghi số 5707/C09(TT2), bên trong chứa 0,900 gam mẫu chất bột còn lại và vỏ bao gói.

(*Tình trạng, đặc điểm các vật chứng được mô tả cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/11/2024 giữa Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P*).

Về án phí: Bị cáo Đào Đình Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ Công an huyện P;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CQĐT & VP CA huyện P;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự & Dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Quyền